

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2025/DS-PT

Ngày: 01 - 12 - 2025

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Lê Chí Công, ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Cao Phương Bình
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/20245/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm 1988 (CCCD: 091188013079); địa chỉ: Khu phố M, xã C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Diễm T: Ông **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm 1967 (CCCD: 035067003444); địa chỉ: số nhà C, đường P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1966 (CCCD: 091066004854); địa chỉ: số A, đường H, tổ B, khu phố M, xã C, tỉnh An Giang, có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C: Ông **Trương Công C1**, sinh năm 1986; địa chỉ: số nhà C, đường N, phường R, tỉnh An Giang, có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Mộng C2**, sinh năm 1999 (CCCD: 091199000967); địa chỉ: Tổ A, khu phố M, xã C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Long A**, sinh năm 1961; địa chỉ: số nhà G, tổ A, khu phố M, xã C, tỉnh An Giang, vắng mặt

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Do quen biết nên bà Nguyễn Thị Diễm T có cho ông Nguyễn Văn C mượn số tiền gốc ba lần tổng cộng là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để ông C giải quyết công việc kinh doanh bất động sản gồm: Vào ngày 12/11/2018, bà Nguyễn Thị Diễm T gửi số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào số tài khoản 7709205027419 tại Ngân hàng N (A1, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh), chủ tài khoản là ông Nguyễn Văn C; Ngày 12/03/2020, bà Nguyễn Thị Diễm T gửi số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) vào số tài khoản 7709205027419 của ông Nguyễn Văn C tại Ngân hàng N1 (A1) và vào ngày 20/05/2020, bà Nguyễn Thị Diễm T nhờ em gái là bà Nguyễn Mộng C2 gửi cho ông Nguyễn Văn C mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) vào số tài khoản 7709205027419 của ông C tại A1 - Chi nhánh K. Trong thời gian ông C mượn tiền của bà T, bà T không lấy tiền lãi và ông C hứa sau khi ông C bán được đất thì ông C trả lại tiền cho bà T. Nhưng cho đến hết năm 2020 thì ông C vẫn không trả, bà T nhiều lần gặp ông C đòi tiền thì ông C xin trả tiền lãi cho bà T với số tiền lãi trên số tiền gốc bà T gửi cho ông C hai lần đầu là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) lãi suất 3,5%/tháng từ đầu năm 2021 đến tháng 12/2021; cuối năm 2021 về sau này thì ông C không trả tiền gốc và cũng không trả tiền lãi cho bà T. Đối với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) mà bà T nhờ bà C2 chuyển cho ông C mượn vào ngày 20/5/2020 thì từ khi chuyển tiền cho đến nay ông C không trả cho bà T tiền gốc và tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị Diễm T yêu cầu Nguyễn Văn C trả số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày vụ kiện đưa ra xét xử sơ thẩm đối với số tiền vay gốc 50.000.000 đồng ngày 12/11/2018 và số tiền vay gốc 200.000.000 đồng ngày 12/3/2020 và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/5/2020 cho đến ngày vụ kiện đưa ra xét xử sơ thẩm, đối với số tiền vay gốc 200.000.000 đồng.

Số tiền lãi mà ông Nguyễn Văn C đã trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T từ đầu năm 2021 đến tháng 12/2021 trên số tiền gốc 50.000.000 đồng ngày 12/11/2018 và 200.000.000 đồng ngày 12/3/2020 thì bà Nguyễn Thị Diễm T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Tôi thừa nhận số tài khoản 7709205027419 là số tài khoản của tôi do tôi mở tại A1 - Chi nhánh K. Từ trước đến nay tôi không biết mặt bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Mộng C2. Tôi là bạn của ông Nguyễn Long A (cha của bà T, bà C2). Trước đây ông A có mượn tiền của bà Nguyễn Thị Diễm T, nhưng ông A nhờ số tài khoản 7709205027419 của tôi, ông A nói với tôi là “Nó không tin tao”. Sau khi bà Nguyễn Thị Diễm T, bà Nguyễn Mộng C2 chuyển khoản cho tôi số tiền 450.000.000 đồng làm ba lần vào các ngày 12/11/2018, 12/3/2020, 20/5/2020 thì tôi đã đưa tiền mặt và tôi đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Long A qua các số tài khoản của ông A là số tài khoản của B và số tài khoản S 070069588369. Mỗi lần tôi đưa tiền mặt, chuyển khoản cho ông A bao nhiêu tiền, vào ngày, tháng, năm nào, tổng cộng bao nhiêu tiền thì tôi không nhớ. Tôi không đồng ý hoàn trả cho bà T số tiền gốc và số tiền lãi theo yêu cầu của bà T.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Mộng C2 trình bày:***

Tôi là em ruột của bà Nguyễn Thị Diễm T, vào ngày 20/5/2020 bà T có đưa cho tôi 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và nhờ tôi chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C vay nên tôi đã gửi vào số tài khoản 7709205027419 của ông Nguyễn Văn C tại A1 - Chi nhánh K, bà T và ông C thỏa thuận lãi suất đối với số tiền vay gốc này như thế nào thì tôi không biết. Từ đó đến nay ông C không có hoàn trả số tiền này cho tôi. Tôi yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm T, tôi không có tranh chấp gì trong vụ án này.

**** Ông Nguyễn Long A trình bày:***

Tôi là cha ruột của bà Nguyễn Thị Diễm T và bà Nguyễn Mộng C2. Trước đây tôi và bà C2, bà T ở chung nhà với tôi, cha con tôi không có mâu thuẫn gì với nhau. Nếu tôi muốn mượn tiền của bà T thì tôi mượn trực tiếp, không cần thông qua tài khoản của ông C. Tôi khẳng định không mượn các khoản tiền 50.000.000 đồng vào ngày 12/11/2018, 200.000.000 đồng vào ngày 12/3/2020 và 200.000.000 đồng vào ngày 20/5/2020 của bà Nguyễn Thị Diễm T thông qua tài khoản của ông Nguyễn Văn C, tôi không nhờ ông Nguyễn Văn C mượn tiền của

bà T giữ gìn tôi như ông C đã trình bày. Tôi yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm T, tôi không có tranh chấp gì trong vụ án này.

**** Tại phiên tòa ngày 17/7/2025***

Người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên ý kiến yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T 450.000.000 đồng, rút yêu cầu tính tiền lãi; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về số tiền lãi mà ông Nguyễn Văn C đã trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T từ đầu năm 2021 đến tháng 12/2021 trên số tiền 50.000.000 đồng ngày 12/11/2018 và 200.000.000 đồng ngày 12/3/2020.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang quyết định:

Buộc ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T các khoản tiền mà bà Nguyễn Thị Diễm T đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 12/11/2018 là 50.000.000 đồng, ngày 12/03/2020 là 200.000.000 đồng và khoản tiền 200.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Diễm T nhờ bà Nguyễn Mộng C2 chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 20/05/2020, tổng cộng ba khoản tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diễm T đối với ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày vụ kiện đưa ra xét xử sơ thẩm đối với số tiền 50.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Diễm T chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C ngày 12/11/2018, số tiền 200.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Diễm T chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C ngày 12/3/2020 và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/5/2020 cho đến ngày vụ kiện đưa ra xét xử sơ thẩm đối với số tiền 200.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Diễm T nhờ bà Nguyễn Mộng C2 chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C ngày 20/5/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 31/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án số 02/2025/DS-ST ngày 17 tháng 07 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C cung cấp Sổ phụ giao dịch và chứng từ giao dịch từ số tài khoản của ông C 7709205027419 mở tại Ngân hàng N2 với số tài khoản 75010000443824 được mở tại Ngân hàng của B và số tài khoản 070069588369 mở tại Ngân hàng S. Ông C cho rằng các số tài khoản trên là của ông Nguyễn Long A, sau khi nhận chuyển khoản của bà T, bà C2 thì ông đã chuyển khoản nhiều lần cho ông A. Đối với giao dịch ngày 29/10/2023 số tiền 100.000.000 đồng và giao dịch ngày 30/10/2023 số tiền 27.500.000 đồng từ số tài khoản của ông C đến số tài khoản 070069588369 và số tài khoản 75010000443824 có nội dung “*chuyển khoản trả tiền cho cháu T*” thì không liên quan đến số tiền 450.000.000 đồng bà T tranh chấp trong vụ án này.

Tranh luận:

Ông Nguyễn Văn C: Ông nhận tiền giùm ông A qua tài khoản của ông C, không có hợp đồng vay tài sản giữa ông C và bà T. Sau khi nhận chuyển khoản ông C đã chuyển cho ông A, nhưng thời gian đã lâu nên không có chứng cứ chứng minh.

Nguyên đơn không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*** *Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn C trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T 450.000.000 đồng là có căn cứ. Ông C kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngày 31/7/2025 bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo là trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Long A, bà Nguyễn Mộng C2 có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông A, bà C2 nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T cho rằng có cho ông Nguyễn Văn C vay số tiền 450.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần qua số tài khoản của ông C số 7709205027419 được mở tại Ngân hàng N, cụ thể: Ngày 12/11/2018 bà T chuyển vào tài khoản của ông C 50.000.000 đồng, ngày 12/03/2020 bà T chuyển vào tài khoản của ông C 200.000.000 đồng và ngày 20/05/2020 bà T nhờ em ruột là bà Nguyễn Thị Mộng C2 chuyển vào tài khoản của ông C 200.000.000 đồng. Do ông C không trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu ông C trả 450.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Bà T không cung cấp được hợp đồng vay tiền giữa bà T và ông C, nhưng Tòa cấp sơ thẩm có thu thập chứng cứ là Sổ phụ của Ngân hàng N chi nhánh K II chứng minh giao dịch giữa bà T, bà C2 và ông C đối với khoản tiền 450.000.000 đồng vào các ngày 12/11/2018, ngày 12/3/2020 và ngày 20/5/2020.

Ông Nguyễn Văn C thừa nhận có sự việc các ngày 12/11/2018, ngày 12/3/2020 và ngày 20/5/2020 bà T, bà C2 chuyển 450.000.000 đồng vào số tài khoản 7709205027419 của ông Nguyễn Văn C được mở tại Ngân hàng N, nhưng cho rằng số tiền trên do ông Nguyễn Long A là cha của bà T, bà C2 vay của bà T và nhờ tài khoản của ông C để chuyển tiền cho ông A, sau đó ông C đã chuyển khoản và rút tiền mặt đưa cho ông A tất cả số tiền trên. Tuy nhiên, lời trình bày của ông C không được ông A, bà C2, bà T thừa nhận; ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh có sự việc ông A nhờ tài khoản của ông để bà T, bà C2 chuyển tiền cho ông A. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên buộc ông C trả cho bà T số tiền 450.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm C cung cấp các chứng từ giao dịch và Sổ phụ giao dịch từ số tài khoản của ông C là 7709205027419 mở tại Ngân hàng N2 với số tài khoản 75010000443824 mở tại Ngân hàng của B và số tài khoản 070069588369 mở tại Ngân hàng S, thời gian từ 02/10/2018 đến 31/12/2020, số tiền giao dịch từ 1.700.000 đồng đến 62.000.000 đồng, ông C cho rằng hai số tài khoản này là của

ông A. Tuy nhiên, các giao dịch trên là giữa ông C với ông A, không liên quan đến bà T, không chứng minh được việc bà T mượn tài khoản của ông C để chuyển tiền cho ông A. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với giao dịch ngày 29/10/2023 số tiền 100.000.000 đồng và giao dịch ngày 30/10/2023 số tiền 27.500.000 đồng từ tài khoản của ông C đến số tài khoản 070069588369 và số tài khoản 75010000443824 có nội dung “*chuyển khoản trả tiền cho cháu T*”, ông C xác định không liên quan đến số tiền 450.000.000 đồng bà T tranh chấp trong vụ án này, nên không đề cập.

Đối với việc bà T yêu cầu ông C phải trả lãi suất, tại phiên tòa sơ thẩm bà T rút lại yêu cầu này, cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - An Giang.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Diễm T các khoản tiền mà bà Nguyễn Thị Diễm T đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 12/11/2018 là 50.000.000 đồng, ngày 12/3/2020 là 200.000.000 đồng và khoản tiền 200.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Diễm T nhờ bà Nguyễn Mộng C2 chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C vào ngày 20/5/2020, tổng cộng ba khoản tiền là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành

án khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diễm T đối với ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày vụ kiện đưa ra xét xử sơ thẩm đối với số tiền 50.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Diễm T chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C ngày 12/11/2018, số tiền 200.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Diễm T chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C ngày 12/3/2020 và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/05/2020 cho đến ngày vụ kiện đưa ra xét xử sơ thẩm đối với số tiền 200.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Diễm T nhờ bà Nguyễn Mộng C2 chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn C ngày 20/05/2020.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp 22.000.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Diễm T không phải chịu, được nhận lại 11.000.000 đồng tạm ứng án phí án phí đã nộp tại biên lai thu số 00010344 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – An Giang)

4. Về án phí phúc thẩm: ông C phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000585 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- TAND khu vực 3 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 3 – An Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng

